UBND XÃ TÂN PHÚ ĐÔNG
TRƯỜNG TH VÀ THCS TÂN PHÚ ĐÔNG
Số: 35/KH-TH&THCSTPĐ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Tân Phú Đông, ngày 02 tháng 10 năm 2026

KHUNG NĂNG LỰC SỐ
Đối với giáo viên và cán bộ quản lý
Năm học 2026-2027

Căn cứ Thông tư số 18/2026/TT-BGDĐT ngày 27 tháng 3 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Khung năng lực số đối với giáo viên, cán bộ quản lý cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông và giáo dục thường xuyên;

Trường TH và THCS Tân Phú Đông xây dựng Khung năng lực cho cán bộ quản lý, giáo viên kể từ năm học 2026-2027 với các nội dung như sau:

I. Mục đích, yêu cầu

1. Mục đích

Nhằm cụ thể hóa các yêu cầu về năng lực số phù hợp với nhiệm vụ của giáo viên, cán bộ quản lý Trường TH và THCS Tân Phú Đông; góp phần thực hiện hiệu quả chuyển đổi số và nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường năm học 2026-2027.

Nâng cao nhận thức, trách nhiệm và khả năng sử dụng công nghệ số của đội ngũ trong quản lý, tổ chức dạy học, kiểm tra, đánh giá, phát triển học liệu và phối hợp với cha mẹ học sinh.

Làm cơ sở để giáo viên, cán bộ quản lý tự đánh giá năng lực số, xác định nhu cầu bồi dưỡng và xây dựng kế hoạch phát triển năng lực phù hợp với vị trí việc làm, nhiệm vụ được phân công.

Phát huy khả năng khai thác dữ liệu, học liệu số và ứng dụng trí tuệ nhân tạo có trách nhiệm; thúc đẩy chia sẻ kinh nghiệm, đổi mới phương pháp dạy học và phát triển năng lực số cho học sinh.

Xây dựng môi trường giáo dục số an toàn, lành mạnh, bảo đảm quyền riêng tư, bảo vệ dữ liệu cá nhân và tạo cơ hội tiếp cận công nghệ phù hợp với điều kiện thực tế của nhà trường.

2. Yêu cầu

Triển khai thống nhất trong nhà trường; nội dung, chỉ báo và mức độ yêu cầu phải rõ ràng, thiết thực, phù hợp với từng cấp học, môn học và nhiệm vụ của giáo viên, cán bộ quản lý.

Gắn việc phát triển năng lực số với kế hoạch giáo dục nhà trường, kế hoạch chuyển đổi số, sinh hoạt chuyên môn và bồi dưỡng thường xuyên; tránh hình thức, trùng lặp hoặc phát sinh hồ sơ không cần thiết.

Việc ứng dụng công nghệ số phải phục vụ mục tiêu giáo dục, nâng cao hiệu quả công việc; không làm thay đổi số tiết và yêu cầu cần đạt cốt lõi của Chương trình giáo dục phổ thông 2018.

Đánh giá năng lực số thông qua nhiệm vụ, thao tác thực tế và sản phẩm công việc; bảo đảm khách quan, công khai, chú trọng sự tiến bộ và sử dụng kết quả để định hướng hỗ trợ, bồi dưỡng đội ngũ.

Bảo đảm an toàn thông tin, bảo vệ dữ liệu cá nhân, tôn trọng bản quyền và thực hiện văn hóa ứng xử trên môi trường số. Khi sử dụng trí tuệ nhân tạo, phải kiểm chứng nội dung và chịu trách nhiệm đối với sản phẩm được sử dụng.

Tổ chức thực hiện theo lộ trình phù hợp với hạ tầng, thiết bị và năng lực của đội ngũ; tăng cường hỗ trợ giáo viên còn hạn chế về kỹ năng số, đồng thời bảo đảm cơ hội tham gia học tập cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn.

II. Hướng dẫn sử dụng khung

Mức	Cách nhận diện khi vận dụng
Cơ bản	Lựa chọn và sử dụng được công cụ số phù hợp; hoàn thành nhiệm vụ cơ bản, nhận biết các yêu cầu an toàn và trách nhiệm.
Thành thạo	Thiết kế, phối hợp công cụ và triển khai nhiệm vụ hiệu quả; sử dụng dữ liệu để điều chỉnh, đáp ứng nhu cầu khác nhau của học sinh.
Nâng cao	Sáng tạo, đánh giá tác động và cải tiến giải pháp; hướng dẫn đồng nghiệp, tổ chức hoặc lan tỏa mô hình hiệu quả.

III. Khung năng lực sốđối với giáo viên

Miền 1: Tổ chức dạy học và giáo dục trong môi trường số

Năng lực vận dụng	Cơ bản	Thành thạo	Nâng cao
1.1. Dạy học và giáo dục trong môi trường số	Sử dụng chức năng cơ bản của nền tảng quản lý học tập; cung cấp tài liệu, giao nhiệm vụ và tổ chức hoạt động đơn giản.	Thiết kế bài dạy có tích hợp công nghệ; phối hợp học trực tiếp và hoạt động trên nền tảng phù hợp mục tiêu, điều kiện học sinh.	Thử nghiệm, đánh giá và cải tiến mô hình dạy học số; hướng dẫn đồng nghiệp thiết kế trải nghiệm học tập hiệu quả.
1.2. Hướng dẫn và hỗ trợ học tập	Dùng kênh giao tiếp số được trường thống nhất để trả lời câu hỏi, hướng dẫn học sinh hoặc cha mẹ học sinh.	Dùng dữ liệu học tập để nhận diện học sinh cần hỗ trợ; cung cấp hướng dẫn kịp thời, phù hợp từng nhóm hoặc cá nhân.	Phát triển cách thức hỗ trợ thích ứng; hướng dẫn đồng nghiệp xây dựng môi trường hỗ trợ học tập tích cực.
1.3. Cá nhân hóa người học	Xác định khác biệt về nhu cầu, năng lực và khả năng tiếp cận công nghệ; điều chỉnh tài liệu phù hợp.	Thiết kế nhiệm vụ phân hóa; cho phép học sinh lựa chọn mức độ, tiến độ và cách thể hiện kết quả trên nền tảng phù hợp.	Thiết kế môi trường học tập cá nhân hóa; đánh giá hiệu quả và điều chỉnh lộ trình theo kết quả thực tế.
1.4. Học tập cộng tác	Tổ chức nhóm học tập đơn giản, chia sẻ tài liệu và ý tưởng bằng công cụ số.	Giao nhiệm vụ cộng tác có phân vai; theo dõi đóng góp, hướng dẫn giao tiếp và đánh giá quá trình, sản phẩm nhóm.	Xây dựng dự án cộng tác hoặc cộng đồng học tập; hướng dẫn đồng nghiệp triển khai và đánh giá hiệu quả.

Miền 2: Kiểm tra và đánh giá

Năng lực vận dụng	Cơ bản	Thành thạo	Nâng cao
2.1. Phương thức đánh giá	Nhập kết quả chính xác vào hệ thống; sử dụng công cụ tạo câu hỏi hoặc bài kiểm tra đơn giản.	Thiết kế đa dạng hình thức đánh giá số phù hợp yêu cầu cần đạt; kết hợp đánh giá quá trình, sản phẩm và phản hồi.	Xây dựng, thử nghiệm phương thức đánh giá số hiệu quả, công bằng; hướng dẫn đồng nghiệp áp dụng.
2.2. Phân tích kết quả học tập	Đọc báo cáo cơ bản từ bảng tính hoặc nền tảng để biết tình hình hoàn thành nhiệm vụ và kết quả học tập.	Phân tích dữ liệu theo lớp, nhóm, nội dung; trực quan hóa kết quả, nhận diện tiến bộ và khó khăn để hỗ trợ.	Xây dựng bảng theo dõi hoặc phân tích nâng cao nhằm phát hiện sớm vấn đề; hướng dẫn đồng nghiệp diễn giải dữ liệu.
2.3. Phản hồi và đánh giá cải tiến	Phản hồi kịp thời bằng nhận xét hoặc kết quả qua nền tảng phù hợp, đúng người nhận.	Sử dụng phản hồi bằng văn bản, âm thanh hoặc công cụ phù hợp; tổ chức tự đánh giá, đánh giá đồng đẳng có hướng dẫn.	Dựa trên dữ liệu phản hồi để điều chỉnh kế hoạch, phương pháp và nhiệm vụ cá nhân hóa; chia sẻ cách cải tiến hiệu quả.

Miền 3: Trao quyền cho người học

Năng lực vận dụng	Cơ bản	Thành thạo	Nâng cao
3.1. Tiếp cận và hòa nhập	Sử dụng công cụ cơ bản hỗ trợ học sinh gặp khó khăn; xác định trở ngại về thiết bị, kết nối hoặc khả năng tiếp cận.	Điều chỉnh học liệu theo nhu cầu đa dạng; bố trí cơ hội sử dụng thiết bị của trường và phương án thay thế phù hợp.	Phát triển giải pháp tiếp cận, hòa nhập hiệu quả; hướng dẫn đồng nghiệp điều chỉnh tài nguyên cho học sinh có nhu cầu đặc biệt.

Năng lực vận dụng	Cơ bản	Thành thạo	Nâng cao
3.2. Giải quyết vấn đề	Thiết kế câu hỏi hoặc nhiệm vụ để học sinh tìm thông tin số có hướng dẫn và giải quyết vấn đề đơn giản.	Tổ chức nhiệm vụ hoặc dự án thu thập, phân tích thông tin, đề xuất giải pháp và tạo sản phẩm có sử dụng công nghệ.	Kết nối nhiệm vụ học tập với vấn đề thực tế cộng đồng; hướng dẫn đồng nghiệp xây dựng môi trường học tập giải quyết vấn đề.
3.3. Khuyến khích sự tham gia tích cực của người học	Dùng hình ảnh, mô phỏng hoặc tương tác số đơn giản để thu hút học sinh tham gia.	Thiết kế hoạt động tương tác, sáng tạo nội dung số; theo dõi mức tham gia và điều chỉnh để học sinh chủ động.	Điều phối dự án học tập số lấy người học làm trung tâm; đánh giá hiệu quả, hỗ trợ đồng nghiệp triển khai.

Miền 4: Kĩ năng công nghệ số

Năng lực vận dụng	Cơ bản	Thành thạo	Nâng cao
4.1. Kĩ năng thông tin và dữ liệu	Tìm kiếm thông tin phục vụ dạy học; đặt tên, sắp xếp và lưu trữ tệp khoa học.	Đánh giá độ tin cậy của nguồn; hướng dẫn học sinh tìm kiếm, đối chiếu, xử lý thông tin và ghi nguồn.	Thu thập, trực quan hóa, đánh giá dữ liệu; hướng dẫn đồng nghiệp phát triển năng lực thông tin cho học sinh.
4.2. Sáng tạo nội dung số	Tạo và chỉnh sửa tài liệu, trình chiếu hoặc học liệu số đơn giản, phù hợp mục tiêu bài học.	Tích hợp nhiều định dạng; hướng dẫn học sinh tạo sản phẩm, tuân thủ quyền tác giả, giấy phép và trích dẫn.	Tạo học liệu tương tác bằng công cụ chuyên dụng; hướng dẫn đồng nghiệp ứng dụng công nghệ phù hợp trong sáng tạo học liệu.
4.3. An toàn	Nhận biết yêu cầu sức khỏe, an sinh số; bố trí thời gian, không gian sử dụng thiết bị hợp lý.	Bảo vệ tài khoản, thiết bị và dữ liệu cá nhân; hướng dẫn nhận diện lừa đảo, bắt nạt trực tuyến và báo cáo sự cố.	Phổ biến rủi ro mới; hướng dẫn đồng nghiệp, cha mẹ học sinh xây dựng môi trường số an toàn, lành mạnh.

Miền 5: Phát triển chuyên môn

Năng lực vận dụng	Cơ bản	Thành thạo	Nâng cao
5.1. Giao tiếp trong tổ chức	Dùng email, nhóm trao đổi của trường hoặc tổ để nhận, gửi thông tin công việc và phối hợp với cha mẹ học sinh.	Chọn kênh giao tiếp chính thức phù hợp đối tượng; chia sẻ thông tin đúng phạm vi, rõ ràng và có trách nhiệm.	Tham gia xây dựng, quản lý truyền thông số của trường; hướng dẫn đổi mới giao tiếp, tăng sự tham gia của các bên.
5.2. Hợp tác phát triển chuyên môn	Tham gia cộng đồng học tập trực tuyến; tự nhận diện thuận lợi, khó khăn khi ứng dụng công nghệ.	Lập kế hoạch cải tiến; tham gia khóa học, chia sẻ kinh nghiệm, cập nhật kỹ năng và tự đánh giá kết quả vận dụng.	Cập nhật xu hướng sư phạm số; hướng dẫn đồng nghiệp tự đánh giá và phát triển năng lực số trong công việc.
5.3. Phát triển sử dụng chia sẻ và quản lí học liệu số	Tìm và lựa chọn học liệu, tài nguyên giáo dục mở phù hợp mục tiêu bài học.	Tạo, đánh giá, lưu trữ và chia sẻ học liệu có hệ thống; kiểm tra chất lượng, độ tin cậy, tính pháp lý, sư phạm.	Xây dựng, quản trị kho học liệu tổ hoặc trường; hướng dẫn đồng nghiệp đóng góp, khai thác và cập nhật.

Miền 6: Trí tuệ nhân tạo

Năng lực vận dụng	Cơ bản	Thành thạo	Nâng cao

Năng lực vận dụng	Cơ bản	Thành thạo	Nâng cao
6.1. Tư duy lấy con người làm trung tâm	Nhận biết cách vận hành, khả năng và giới hạn của AI; dùng công cụ đơn giản hỗ trợ công việc dưới sự kiểm soát của giáo viên.	Thiết kế hoạt động tích hợp AI có trách nhiệm; hướng dẫn học sinh nhận biết ưu điểm, hạn chế và rủi ro phù hợp độ tuổi.	Cải tiến mô hình dạy học có AI phục vụ nhu cầu học sinh; hướng dẫn đồng nghiệp lựa chọn công cụ phù hợp.
6.2. Đạo đức AI	Nhận biết rủi ro thu thập dữ liệu; thận trọng với quyền riêng tư, có trách nhiệm khi sử dụng AI.	Đánh giá công cụ theo bảo mật, công bằng, tác động; hướng dẫn sử dụng minh bạch, an toàn, cân bằng tương tác công nghệ và xã hội.	Đánh giá vấn đề đạo đức, cập nhật và chia sẻ kinh nghiệm; tham gia xây dựng hướng dẫn sử dụng AI của trường.
6.3. Sư phạm AI	Nhận diện lợi ích, giới hạn sư phạm và khả năng tích hợp AI theo hướng lấy người học làm trung tâm.	Lựa chọn, sử dụng AI trong thiết kế, hỗ trợ học tập, đánh giá; quản lý tương tác giáo viên, học sinh và AI phù hợp lứa tuổi.	Xây dựng nguyên tắc sư phạm AI; hướng dẫn đồng nghiệp thiết kế hoạt động đồng sáng tạo và đánh giá hiệu quả.
6.4. AI cho phát triển chuyên môn	Dùng công cụ AI phù hợp để lập kế hoạch, theo dõi, phân tích quá trình phát triển chuyên môn của bản thân.	Dùng AI hỗ trợ tự học, tìm tài nguyên, tham gia cộng đồng thực hành; đánh giá và giảm thiểu rủi ro đạo đức.	Hướng dẫn đồng nghiệp đổi mới; xây dựng hoặc sử dụng bộ công cụ AI hỗ trợ phát triển chuyên môn của tổ, trường.

IV. Năng lực bổ sung đối với cán bộ quản lý

Miền 1: Tổ chức dạy học và giáo dục trong môi trường số

Năng lực vận dụng	Cơ bản	Thành thạo	Nâng cao

Năng lực vận dụng	Cơ bản	Thành thạo	Nâng cao
1.1. Bồi dưỡng giáo viên đáp ứng mức năng lực số cần thiết	Khảo sát nhu cầu; tổ chức bồi dưỡng công cụ số đơn giản và bảo đảm điều kiện tối thiểu cho dạy học.	Thiết kế bồi dưỡng thực hành, giúp giáo viên phối hợp công cụ và hỗ trợ từng nhóm học sinh.	Xây dựng chương trình phát triển chuyên môn sâu, thúc đẩy đổi mới sáng tạo và đáp ứng nhu cầu học tập đa dạng.
1.2. Bảo đảm thiết bị công nghệ và kết nối	Kiểm kê thiết bị, đường truyền; tổ chức hướng dẫn sử dụng và bố trí điều kiện cơ bản.	Quản lý khai thác hạ tầng hiệu quả; lập lịch dùng chung, phương án dự phòng và hỗ trợ sự cố kịp thời.	Lập chiến lược hạ tầng đồng bộ, có khả năng mở rộng, hỗ trợ dạy học đổi mới.
1.3. Tạo môi trường thực hiện quyền công dân số	Thiết lập không gian số có kiểm soát; hướng dẫn quyền, trách nhiệm và trao đổi văn minh.	Vận hành kho tài nguyên có phân quyền; tổ chức góp ý, thảo luận an toàn, minh bạch và có tính xây dựng.	Phát triển hệ thống tài nguyên tích hợp; thúc đẩy sáng kiến xã hội và giá trị tích cực trên môi trường số.
1.4. Bồi dưỡng sử dụng công nghệ an toàn và có đạo đức	Tổ chức hướng dẫn kỹ năng số cơ bản, nhận diện rủi ro và tuân thủ quy định.	Tổ chức bồi dưỡng có thực hành xử lý tình huống; theo dõi việc áp dụng an toàn, đạo đức số.	Phát triển chương trình toàn diện, cập nhật; xây dựng đội ngũ nòng cốt lan tỏa thực hành tốt.

Miền 2: Hoạch định chiến lược giáo dục

Năng lực vận dụng	Cơ bản	Thành thạo	Nâng cao
2.1. Huy động nguồn lực xây dựng chiến lược	Lấy ý kiến bên liên quan; xác định nguồn lực và kế hoạch công nghệ phù hợp nhu cầu trước mắt.	Phối hợp huy động nguồn lực đa dạng; rà soát chiến lược và triển khai đồng bộ, khả thi.	Dẫn dắt chiến lược toàn diện, dài hạn; tối ưu phân bổ nguồn lực và tích hợp xu hướng phù hợp.

Năng lực vận dụng	Cơ bản	Thành thạo	Nâng cao
2.2. Xây dựng kế hoạch chiến lược ứng dụng khoa học công nghệ	Vận dụng định hướng cấp trên; xác định mục tiêu, nhiệm vụ phù hợp thực tế trường.	Xác định chỉ tiêu, lộ trình, nguồn lực, trách nhiệm và cách kiểm tra cho từng cấp học.	Dự báo nhu cầu dài hạn; cập nhật giải pháp, bảo đảm sự thống nhất giữa chiến lược và nhu cầu xã hội.
2.3. Đánh giá tiến độ và điều chỉnh chiến lược	Theo dõi tiến độ định kỳ; ghi nhận kết quả, hạn chế và đề xuất điều chỉnh.	Theo dõi chỉ số rõ ràng, phân tích nguyên nhân và tổ chức điều chỉnh kịp thời.	Giám sát liên tục, đánh giá tác động bằng dữ liệu; nhân rộng giải pháp hiệu quả, bền vững.
2.4. Xây dựng môi trường hợp tác với bên liên quan	Thiết lập kênh góp ý minh bạch; ghi nhận phản hồi phục vụ kế hoạch phát triển.	Tổ chức hợp tác đa chiều; phân tích ý kiến và truyền thông kết quả có căn cứ.	Duy trì mạng lưới hợp tác dài hạn; tích hợp phản hồi vào hoạch định và văn hóa nhà trường.
2.5. Chia sẻ bài học kinh nghiệm và tác động công nghệ	Chia sẻ kinh nghiệm, kết quả ứng dụng công nghệ trong cộng đồng giáo dục địa phương.	Tổng hợp báo cáo, mô hình, bài học và thách thức; duy trì kênh trao đổi chuyên môn.	Phát triển mạng lưới chia sẻ, tọa đàm; đề xuất giải pháp chiến lược từ tác động dài hạn.

Miền 3: Trao quyền cho giáo viên và người học

Năng lực vận dụng	Cơ bản	Thành thạo	Nâng cao
3.1. Phát huy năng lực nghề nghiệp và lãnh đạo của giáo viên	Giao nhiệm vụ phù hợp; tạo điều kiện bồi dưỡng và môi trường làm việc bình đẳng.	Giao giáo viên chủ trì nhóm hoặc dự án; hỗ trợ kế hoạch phát triển nghề nghiệp và học chuyên sâu.	Trao quyền gắn trách nhiệm; phát triển giáo viên dẫn dắt đổi mới và sáng kiến có tác động bền vững.
3.2. Xây dựng sự tự tin áp dụng kĩ năng số	Cung cấp tài liệu, hỗ trợ ban đầu; tạo điều kiện giáo viên thử nghiệm công cụ phù hợp.	Tổ chức hỗ trợ thực hành, chia sẻ; giúp giáo viên điều chỉnh phương pháp và tích hợp công nghệ có hiệu quả.	Phát triển đội ngũ dẫn dắt, cố vấn; hình thành mô hình dạy học đổi mới được đánh giá và chia sẻ.

Năng lực vận dụng	Cơ bản	Thành thạo	Nâng cao
3.3. Thúc đẩy văn hóa đổi mới và hợp tác	Bố trí thời gian, không gian và tài nguyên để giáo viên, học sinh khám phá công cụ số.	Phân bổ nguồn lực cho thử nghiệm có định hướng; tổ chức đánh giá, phản hồi và cải tiến.	Xây dựng văn hóa hợp tác bền vững; trao quyền đề xuất, triển khai và lan tỏa giải pháp sáng tạo.
3.4. Hỗ trợ dạy học đáp ứng nhu cầu đa dạng	Hướng dẫn điều chỉnh nội dung, phương pháp bằng công nghệ, tôn trọng khác biệt của học sinh.	Dùng dữ liệu và phối hợp cha mẹ học sinh để hỗ trợ nhu cầu học thuật, văn hóa, cảm xúc.	Phát triển giải pháp tích hợp, chia sẻ mô hình đáp ứng đa dạng và hỗ trợ phát triển toàn diện.
3.5. Phát triển công cụ đánh giá để cá nhân hóa học tập	Tổ chức dùng công cụ đánh giá theo dõi tiến bộ; hỗ trợ giáo viên điều chỉnh bài dạy từ kết quả.	Vận hành hệ thống cung cấp dữ liệu kịp thời theo lớp, nhóm, cá nhân; hỗ trợ phân tích và phản hồi.	Phát triển, tích hợp công cụ đánh giá thông minh phù hợp; phân tích dự báo và chia sẻ mô hình hiệu quả.

Miền 4: Kĩ năng công nghệ số

Năng lực vận dụng	Cơ bản	Thành thạo	Nâng cao
4.1. Dẫn dắt xây dựng hạ tầng và hệ thống	Phối hợp chuyên môn, kỹ thuật xây dựng hệ thống cơ bản và hỗ trợ vận hành ban đầu.	Điều phối nhóm vận hành phần cứng, phần mềm, dữ liệu ổn định; giám sát tiến độ và khả năng tích hợp.	Hoạch định hệ thống dài hạn; quản lý hạ tầng tiên tiến phù hợp, chia sẻ mô hình hiệu quả.
4.2. Bảo đảm nguồn lực và khả năng mở rộng	Phân bổ nguồn lực thiết yếu để thiết bị, phần mềm, dịch vụ sẵn sàng cho dạy học và quản lý.	Tối ưu chi phí, hiệu suất sử dụng; lập kế hoạch nâng cấp, mở rộng theo nhu cầu hai cấp học.	Xây dựng chiến lược nguồn lực dài hạn, đầu tư bền vững và hợp tác hỗ trợ đổi mới.

Năng lực vận dụng	Cơ bản	Thành thạo	Nâng cao
4.3. Bảo vệ quyền riêng tư và an ninh thông tin	Hướng dẫn quy định bảo mật, quyền riêng tư; giám sát và ngăn ngừa vi phạm.	Thiết lập quy trình dữ liệu, phân quyền, sao lưu, xử lý sự cố; tổ chức tập huấn và kiểm tra.	Hoạch định an ninh dữ liệu toàn diện; áp dụng bảo mật phù hợp, diễn tập phản ứng và đánh giá cải tiến.
4.4. Tạo môi trường sáng tạo nội dung số	Cung cấp công cụ, hướng dẫn và môi trường an toàn để giáo viên, học sinh tạo nội dung.	Tổ chức hoạt động sáng tạo; cung cấp tài nguyên, cơ chế phản hồi, chia sẻ và nâng chất lượng sản phẩm.	Phát triển chiến lược sáng tạo học liệu; kết nối chuyên gia, không gian sáng tạo và lan tỏa sản phẩm chất lượng.
4.5. Ứng dụng AI hiệu quả và có trách nhiệm	Lập kế hoạch, bồi dưỡng và lựa chọn công cụ AI phù hợp; tuân thủ an toàn, bảo mật, quyền riêng tư.	Đánh giá công cụ AI giáo dục; dùng dữ liệu, phản hồi để theo dõi tác động và cải tiến hoạt động.	Xây dựng chiến lược môi trường làm việc, học tập có AI; dẫn dắt giải pháp sáng tạo có đánh giá tác động.

Miền 5: Phát triển chuyên môn

Năng lực vận dụng	Cơ bản	Thành thạo	Nâng cao
5.1. Cập nhật công nghệ và khoa học giáo dục	Đặt mục tiêu cập nhật kiến thức công nghệ, phương pháp quản lý và dạy học để áp dụng vào công việc.	Thường xuyên cập nhật, tổ chức chia sẻ; tích hợp tiến bộ khoa học giáo dục có chọn lọc vào kế hoạch trường.	Dẫn dắt nghiên cứu, phổ biến thực hành tiên tiến; kết nối chuyên gia và chiến lược đổi mới dài hạn.
5.2. Tham gia mạng lưới học tập chuyên môn trực tuyến	Tham gia nhóm, diễn đàn chuyên môn phù hợp để trao đổi thông tin, kinh nghiệm quản lý.	Đóng góp thường xuyên, chia sẻ tài liệu, mở rộng kết nối hỗ trợ phát triển cộng đồng giáo dục.	Dẫn dắt mạng lưới hợp tác, kết nối chuyên gia nhằm thúc đẩy nghiên cứu và đổi mới.

Năng lực vận dụng	Cơ bản	Thành thạo	Nâng cao
5.3. Thiết lập quan hệ hợp tác phát triển giáo dục	Tìm kiếm, thiết lập quan hệ với tổ chức, cá nhân phù hợp để hỗ trợ mục tiêu nhà trường.	Duy trì hợp tác bền vững; phối hợp triển khai, đánh giá và rút kinh nghiệm.	Lãnh đạo chương trình hợp tác chiến lược, huy động nguồn lực và tạo tác động tích cực cho giáo dục.
5.4. Sử dụng công nghệ tham gia hoạt động xã hội	Dùng công cụ số tham gia hoạt động xã hội phù hợp, hỗ trợ phát triển bản thân và cộng đồng.	Kết nối, phối hợp hoạt động trong và ngoài trường; tham gia nhóm trực tuyến phục vụ lợi ích cộng đồng.	Điều phối hoạt động xã hội trên nền tảng công nghệ; phát triển và chia sẻ giải pháp có ích cho cộng đồng.
5.5. Dẫn dắt thay đổi và cải tiến liên tục	Áp dụng kỹ năng số cơ bản, hình thành tư duy cải tiến và thích ứng với thay đổi.	Đề xuất giải pháp nâng hiệu quả; hướng dẫn đồng nghiệp thích ứng, tổ chức bồi dưỡng hằng năm theo nhu cầu.	Dẫn dắt chiến lược đổi mới; quản trị thay đổi phức tạp và xây dựng văn hóa cải tiến liên tục.

V. Quy trình đánh giá phục vụ bồi dưỡng

Bước 1. Cá nhân đọc mô tả gốc tại Thông tư, đối chiếu nhiệm vụ thực tế và tự ghi mức đạt cho từng năng lực; dẫn minh chứng, xác định nội dung cần hỗ trợ. Cán bộ quản lý thực hiện cả phần giáo viên tương ứng và phần bổ sung.

Bước 2. Tổ chuyên môn trao đổi kết quả, xem sản phẩm hoặc quan sát thực hành; ghi nhận điểm đã thể hiện, phần còn thiếu và điều kiện chưa đáp ứng. Cán bộ quản lý trao đổi kết quả trong Ban Giám hiệu theo phân công và hướng dẫn của cấp có thẩm quyền.

Bước 3. Thống nhất hồ sơ năng lực theo từng mã. Chỉ ghi mức cao hơn khi đã đáp ứng các yêu cầu tích lũy và có minh chứng tương ứng theo Thông tư. Không lấy trung bình điểm để bù một năng lực chưa thể hiện bằng năng lực khác; không quy đổi thành một mức chung khi chưa có hướng dẫn của cấp có thẩm quyền.

Bước 4. Lập kế hoạch bồi dưỡng, chỉ định người hỗ trợ, bố trí thiết bị và thời gian thực hành; đánh giá lại sau hỗ trợ bằng sản phẩm trong công việc. Lưu kết quả gắn với minh chứng theo phân quyền.

VI. Tổ chức thực hiện

1. Ban Giám hiệu

Tổ chức triển khai khung năng lực số đến toàn thể giáo viên, cán bộ quản lý; hướng dẫn thực hiện phù hợp với nhiệm vụ của từng cá nhân và điều kiện của nhà trường.

Chỉ đạo khảo sát, đánh giá năng lực số ban đầu; trên cơ sở kết quả khảo sát, xây dựng kế hoạch bồi dưỡng theo nhóm nhu cầu, chú trọng hỗ trợ giáo viên còn hạn chế về kỹ năng số.

Bố trí thời gian, thiết bị, đường truyền và các điều kiện cần thiết; lồng ghép nội dung phát triển năng lực số vào kế hoạch giáo dục, kế hoạch chuyển đổi số và bồi dưỡng thường xuyên.

Phân công cán bộ phụ trách theo dõi, tổng hợp kết quả; tổ chức kiểm tra, sơ kết học kỳ I và tổng kết cuối năm học để điều chỉnh nội dung, hình thức triển khai.

2. Tổ trưởng chuyên môn

Cụ thể hóa các yêu cầu của khung năng lực số vào kế hoạch hoạt động của tổ; xác định nội dung, tiến độ và sản phẩm phù hợp với từng môn học, cấp học.

Tổ chức sinh hoạt chuyên môn, thực hành và chia sẻ kinh nghiệm về thiết kế học liệu số, tổ chức dạy học, kiểm tra, đánh giá và sử dụng trí tuệ nhân tạo có trách nhiệm.

Phân công giáo viên có năng lực hỗ trợ đồng nghiệp; xây dựng, chia sẻ và sử dụng hiệu quả kho học liệu số của tổ.

Theo dõi sự tiến bộ của giáo viên thông qua sản phẩm và hoạt động thực tế; tổng hợp kết quả, khó khăn và đề xuất hỗ trợ với Ban Giám hiệu vào cuối mỗi học kỳ.

3. Giáo viên

Nghiên cứu khung năng lực số, tự đánh giá mức độ đáp ứng và xây dựng kế hoạch tự học, tự bồi dưỡng gắn với nhiệm vụ được phân công.

Tham gia đầy đủ các hoạt động tập huấn, bồi dưỡng và sinh hoạt chuyên môn; chủ động thực hành, trao đổi và hỗ trợ đồng nghiệp.

Vận dụng công nghệ số phù hợp trong xây dựng kế hoạch bài dạy, khai thác học liệu, tổ chức hoạt động học tập, kiểm tra, đánh giá và phối hợp với cha mẹ học sinh.

Hướng dẫn học sinh sử dụng công nghệ an toàn, có trách nhiệm; lựa chọn hình thức học tập phù hợp, bảo đảm cơ hội tham gia cho học sinh thiếu thiết bị hoặc gặp khó khăn về kết nối.

Thực hiện đúng quy định về bảo vệ dữ liệu cá nhân, bản quyền và an toàn thông tin; kiểm chứng nội dung do trí tuệ nhân tạo tạo ra trước khi sử dụng.

Lựa chọn sản phẩm công việc sẵn có làm minh chứng; tự đánh giá sự tiến bộ vào cuối mỗi học kỳ và báo cáo tổ chuyên môn.

4. Bộ phận phụ trách công nghệ thông tin

Tham mưu giải pháp kỹ thuật, hướng dẫn sử dụng các nền tảng số dùng chung; hỗ trợ quản lý tài khoản, phân quyền truy cập, sao lưu dữ liệu và bảo đảm an toàn thông tin.

Phối hợp với các tổ chuyên môn tổ chức hướng dẫn thực hành, hỗ trợ xử lý khó khăn trong quá trình ứng dụng công nghệ số.

Kịp thời báo cáo Ban Giám hiệu các sự cố kỹ thuật, nguy cơ mất an toàn thông tin và nhu cầu bổ sung thiết bị.

Trên đây là Kế hoạch triển khai thực hiện khung năng lực số cho học sinh Trường TH và THCS Tân Phú Đông từ năm học 2026-2027./.

Nơi nhận:
- UBND xã(để b/c);
- HĐSP
- Lưu: VT.

HIỆU TRƯỞNG

U.B.N.D XÃ TÂN PHÚ ĐÔNG T. ĐỒNG THÁP
TRƯỜNG TIỂU HỌC VÀ TRUNG HỌC CƠ SỞ TÂN PHÚ ĐÔNG

Đặng Thanh Vui